

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 20/7/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Liễu

- Ông Nguyễn Quốc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá,
Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:
257/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm
2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần N;**

Địa chỉ: số 198, đường T, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1978, chức vụ:
Phó trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch R - Ngân hàng TMCP N chi nhánh tỉnh
Kiên Giang (có mặt).

Địa chỉ: số 89, đường 3, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

** Bị đơn:*

- Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1997 – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Minh
K (vắng mặt);

- Bà **Lê Thị Bé N**, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khu vực B, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày:

1. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP N - CN Kiên Giang và Ông Nguyễn Minh K và Bà Lê Thị Bé N với nội dung chủ yếu như sau: Tính đến ngày 11/09/2022. Tổng nợ khởi kiện là: 3.030.036.584 đồng; *Trong đó:* Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 29.983.531 đồng; Lãi quá hạn: 53.053 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021. Số tiền vay: 3.800.000.000 đồng (*Ba tỷ tám trăm triệu đồng*). Ngày vay : 24/09/2021. Ngày trả cuối cùng: 02/11/2022.

Biện pháp bảo đảm nợ vay: Đất ở tại Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (GCN. QSD đất QSH nhà ở và TS khác gắn liền với đất số: CV 340016 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/02/2020, biến động ngày 26/07/2021). DT đất: 91,7 m²; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0124 B /21/0393/RG, ký ngày 23/07/2021, được Công chứng ngày 23/07/2021 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/07/2021.

Tính đến nay khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị Bé N trả số nợ trên nhưng cho đến nay vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng.

2. Ngày 22/11/2022 Ngân hàng làm đơn khởi kiện bổ sung với các nội dung sau:

Căn cứ Đề nghị phát hành Hợp đồng thẻ số: 904.TDCN.21.00028, ký ngày 30/09/2021;

Căn cứ Hợp đồng tín dụng dự phòng số 28/2021.VCB-THE ngày 30/09/2021 đã ký giữa Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Kiên Giang với nội dung chủ yếu như sau:

Tính đến ngày 10/11/2022. Tổng nợ khởi kiện bổ sung là: 41.673.177 đồng; *Trong đó:* Dư nợ gốc: 39.373.542 đồng. Nợ lãi: 1.688.436 đồng (Lãi tính đến ngày 10/11/2022). Lãi chậm thanh toán: 411.199 đồng. Phí thường niên: 200.000 đồng.

Tính đến nay khoản vay thẻ trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP N đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị Bé N trả số nợ trên nhưng cho đến nay vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Mậu đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021 tính đến ngày

19/7/2023 là 3.312.085.175 đồng, trong đó vốn gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất là 312.085.175 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 20/7/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ; yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng thẻ số: 904.TDCN.21.00028, ký ngày 30/09/2021 tính đến ngày 10/7/2023 là 50.058.696 đồng, trong đó vốn gốc 39.373.572 đồng, lãi suất là 10.685.124 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 11/7/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N: Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa ông Khánh, bà Ngọc vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể như sau:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự và đưa những người này tham gia tố tụng đúng trình tự quy định.

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xác minh, thu thập chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 của BLTTDS.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195, 196 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định pháp luật, Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau: Căn cứ các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, 319, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải trả số tiền nợ đối với hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/7/2023 là 3.312.085.175 đồng. Đối với số tiền nợ gốc, lãi của hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày 10/7/2023 là 50.058.696 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi ông Khánh, bà Ngọc thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông K, bà N không trả hoặc không trả hết tiền nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông K, bà N. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn là ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Nhận thấy, ông Nguyễn Minh K có đăng ký kinh doanh là Hộ kinh doanh Nguyễn Minh K do ông Nguyễn Minh K đại diện Hộ kinh doanh, mục đích vay của hợp đồng tín dụng là bổ sung vốn lưu động mua bán hải sản các loại. Đến ngày 22/11/2022 Ngân hàng làm đơn khởi kiện bổ sung khởi kiện ông Khánh, bà Ngọc đối với Hợp đồng thẻ số: 904.TDCN.21.00028, ngày 30/09/2021. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số: 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021, theo đó Ngân hàng cho ông Khánh, bà Ngọc vay số tiền gốc 3.800.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng (từ ngày 07/6/2022 đến ngày 07/11/2022), hình thức trả nợ: trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi 01 tháng/kỳ; lãi suất trong hạn 7,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua bán hải sản các loại và Hợp đồng thẻ số: 904.TDCN.21.00028, ký ngày 30/09/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông K, bà N trả gốc cho Ngân hàng được số tiền gốc 800.000.000 đồng. Phía ông K, bà N cũng đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng rất nhiều lần nhưng không thực hiện, như vậy ông K, bà N đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số: 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021 là 3.312.085.175 đồng, và số tiền gốc và lãi của Hợp đồng thẻ số: 904.TDCN.21.00028, ngày 30/09/2021 là 50.058.696 đồng, tổng cộng gốc và lãi của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ là 3.362.143.871 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét hợp đồng tín dụng số 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021 và hợp đồng thẻ số: 904.TDCN.21.00028, ngày 30/09/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N với ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 0124B/21/0393/RG, ký ngày 23/07/2021.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số 0124B/21/0393/RG ngày 23/7/2021 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang ngày 26/7/2021. Căn cứ quy định tại Điều 317; Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Minh Khanh, bà Lê Thị Bé N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0124B/21/0393/RG ngày 23/7/2021 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền gốc và lãi là: 3.362.143.871 đồng [trong đó: gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021 là 3.312.085.175 đồng (vốn gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất là 312.085.175 đồng); số tiền gốc và lãi của Hợp đồng thế số: 904.TDCN.21.00028, ngày 30/09/2021 là 50.058.696 đồng (trong đó vốn gốc 39.373.572 đồng, lãi suất là 10.685.124 đồng) và phải trả lãi phát sinh từ ngày 20/7/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng số 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021 đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ và lãi phát sinh của Hợp đồng thế số: 904.TDCN.21.00028, ngày 30/09/2021 từ ngày 11/7/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng thế đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 3.362.143.871 đồng là: $[72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 1.362.143.871 \text{ đồng})] = 99.242.877 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.300.000 đồng và số tiền 1.040.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 317, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N.

Buộc ông ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021 tính đến ngày 19/7/2023 là 3.312.085.175 đồng và số tiền gốc và lãi của Hợp đồng thẻ số 904.TDCN.21.00028, ngày 30/09/2021 tính đến ngày 10/7/2023 là 50.058.696 đồng; tổng cộng gốc và lãi ông Khánh, bà Ngọc phải trả cho Ngân hàng là 3.362.143.871 đồng (Ba tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi một đồng).

Ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0139/21/0393/RG, ngày 24/09/2021 kể từ ngày 20/7/2023 và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ số 904.TDCN.21.00028, ngày 30/09/2021 kể từ ngày 11/7/2023 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 138, tờ bản đồ số 14, diện tích đất 91,7m²; tọa lạc tại khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 340016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/02/2020 do ông Phan Thanh Bình đứng tên và được chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Minh K ngày 09/12/2020.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang ngày 26/7/2021.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 340016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20/02/2020 do ông Phan Thanh Bình đứng tên và được chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn Minh K ngày 09/12/2020.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh K, bà Lê Thị Bé N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 99.242.877 đồng (chín mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004666 ngày 04/11/2022 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.040.000 đồng, theo biên lai thu số 0004793 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN